

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 7, khoản 9 điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 29 tháng 3 năm 2019 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 03/2018/TLST-DS ngày 10 tháng 12 năm 2018.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

+ Nguyên đơn: bà Trần Thị H - sinh năm: 1972

Trú tại: đội 4, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên

+ Bị đơn: anh Lò Văn C – Sinh năm: 1985

Trú tại: đội 8, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên

+ Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- ông Tạ Hưng L – Sinh năm: 1972; Trú tại: đội 4, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Các bên thỏa thuận nhất trí:

Bị đơn Lò Văn C có vay nợ chị Trần Thị H và anh Tạ Hưng L số tiền 64.500.000đ, vay không có lãi xuất.

Trước khi Tòa án tiến hành hòa giải, Bị đơn Lò Văn C đã trả được số tiền 20.000.000đ cho chị H, anh L vào ngày 01/02/2019 và nguyên đơn không yêu cầu Tòa án phải giải quyết đối với số tiền 20.000.000đ.

Số tiền còn lại 44.500.000 đồng các bên thỏa thuận: Bị đơn anh Lò Văn C phải trả cho vợ chồng chị Trần Thị H và anh Tạ Hưng L, thời gian trả tiền: vào ngày 30/4/2019.

Kể từ ngày có quyết định thi hành án mà bị đơn không chịu trả số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chưa thi hành án tại thời điểm thi hành án theo quy định tại điều 357 của Bộ luật dân sự.

2.2. Về án phí: Nguyên đơn, bị đơn đồng ý mỗi bên chịu một nửa án phí theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn bà Trần Thị H phải chịu mức 25% án phí có giá ngạch trên số tiền phải giải quyết 44.500.000 đồng là 556.000 đồng (*năm trăm năm mươi sáu nghìn đồng*). Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Trần Thị H đã nộp 1.612.000 đồng tại chi cục thi hành án dân sự huyện T, bà Trần Thị H được trả lại 1.056.000 đồng.

Bị đơn Lò Văn C phải chịu mức 25% án phí có giá ngạch trên số tiền phải trả, nhưng anh Chơ đã có đơn xin miễn án phí và thuộc trường hợp là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Trương Anh Tuấn